**ĐÁP ÁN ĐIA 10 GHK2-NH 2021-2022**

**Câu 1: Hãy cho biết vai trò của công nghiệp (2 đ)**

 ***1.Vai trò***

 Đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân vì:

 - Sản xuất ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn

 - Cung cấp hầu hết các tư liệu sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho tất cả các ngành kinh tế .

 - Tạo ra sản phẩm tiêu dùng nhằm nâng cao đời sống xã hội.

 - Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, tạo khả năng mở rộng sản xuất, thị trường lao động, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, củng cố an ninh quốc phòng.

 - Chỉ tiêu để đánh giá trình độ phát triển của một nước

**Câu 2: Công nghiệp năng lượng**

***a) Vai trò:***

 - Là ngành quan trọng, cơ bản

 - Cơ sở để phát triển công nghiệp hiện đại

 - Là tiền đề của tiến bộ khoa học kĩ thuật

***b)*** CN khai thác than, dầu, CN điện lực

 - Khai thác than:

* Vai trò: Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện, luyện kim (than được cốc hóa) và nguyên liệu quý cho CN hóa chất
* Trữ lượng, sản lượng, phân bố: Ước tính 13.000 tỉ tấn (3/4 than đá), sản lượng khai thác 5 tỉ tấn/năm, tập trung chủ yếu ở Bán cầu bắc (Hoa Kì, LBNga, Trung Quốc, Ba Lan, CHLBĐức, Ôxtrâylia,..)

 - Khai thác dầu mỏ:

* Vai trò: Nhiên liệu quan trọng (vàng đen), nguyên liệu cho CN hóa chất...
* Trữ lượng, sản lượng, phân bố: Ước tính 400-500 tỉ tấn (chắc chắn 140 tỉ tấn), sản lượng khai thác 3,8 tỉ tấn/năm, khai thác nhiều ở các nước đang phát triển (Trung Đông, Bắc Phi LBNga, Mỹ LaTinh, Trung Quốc,...)

 - Công nghiệp điện lực:

* Vai trò: Cơ sở phát triển nền công nghiệp hiện đại, đẩy mạnh khoa học kĩ thuật và nâng cao đời sống văn hóa, văn minh của con người.
* Trữ lượng, sản lượng, phân bố: Được sản xuất từ nhiều nguồn khác nhau như nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử, năng lượng gió, thủy triều... Sản lượng khoảng 15.000 tỉ kWh.

 **Câu 3: “TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CN CỦA THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1950-2003”**

a) đây là sản phẩm của ngành CN năng lượng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Sản phẩm | 1950 | 1960 | 1970 | 1980 | 1990 | 2003 |
| Dầu mỏ ( %) | 100 | 201,1 | 446,7 | 586,2 | 636,9 | 746,5 |
| Điện (%)  | 100 | 238,3 | 513,1 | 852,8 | 1223,6 | 1535,8 |

+ Không ghi cách tính trừ 0,5đ

+ ghi sai đơn vị trừ 0,5đ

b)vẽ biểu đồ :

+ sai khoản cách năm trừ 0,5đ

+ không số liệu trừ 0,5đ

+ sai hoặc không chú giải trừ 0,5đ

+ sai tỉ lệ trừ 1đ

+ không tên biểu đồ trừ 0,5đ

+ sai 1 vị trí trừ 0,25đ